

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT ĐIỆN LỰC

Luật Điện lực số 61/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024 (sau đây viết là Luật Điện lực năm 2024); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 31/2024/L-CTN ngày 02/12/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2025. Luật Điện lực số 28/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2012/QH13, Luật số 28/2018/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 35/2024/QH15 (sau đây viết là Luật Điện lực năm 2004) hết hiệu lực từ ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 81 của Luật Điện lực năm 2024.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Sau khi Luật Điện lực năm 2004 có hiệu lực thi hành, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam (trong đó có lĩnh vực điện lực) được ban hành, cụ thể:

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030;

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 triển khai Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 – 2025. Nghị quyết đã nêu “*Đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không*

¹ Tờ trình số 520/TTr-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ về Dự án Luật Điện lực (sửa đổi).

còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện;”.

- Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về việc cần có cơ chế giá điện phù hợp trong việc xuất, nhập khẩu điện đối với các nước trong khu vực và *“điều chỉnh kịp thời giá bán lẻ điện theo biến động thực tế của thông số đầu vào như giá nguyên nhiên liệu, tỷ giá, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, đồng thời bù đắp được chi phí và lợi nhuận hợp lý để bảo toàn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy cạnh tranh trong khâu nguồn điện; rút ngắn thời gian giữa các lần điều chỉnh giá điện”.*

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Bộ Chính trị (văn bản mật) về tình hình thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và một số định hướng cho giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, bối cảnh khu vực và thế giới đã có nhiều thay đổi, đặc biệt sau Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Điện lực năm 2004 qua 04 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 2012, 2018, 2022 và 2023 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hiệu quả hoạt động điện lực trong gần 20 năm qua, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao trên toàn quốc.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành pháp luật về điện lực cho thấy còn tồn tại một số vấn đề mà các quy định tại Luật Điện lực năm 2004 chưa đáp ứng được, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng mục tiêu triển khai các chính sách của Đảng đối với lĩnh vực năng lượng nói chung và điện lực nói riêng, đặc biệt là mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, tăng cường phân công, phân cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về điện lực, kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn hoạt động điện lực và sử dụng điện, đồng thời, giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Điện lực

năm 2004 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước như: Cơ chế, chính sách phát triển điện lực còn thiếu đồng bộ; cần thiết có thêm quy định về chính sách phát triển điện hạt nhân để có triển khai thực hiện các dự án điện hạt nhân sau khi nhà nước có chủ trương về phát triển điện hạt nhân trong thời gian tới; khuyến khích phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới; về điều kiện hoạt động điện lực; về điều kiện hoạt động điện lực và cấp, sửa đổi, bổ sung, miễn trừ và thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực; về giá điện theo cơ chế thị trường và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện; về quản lý, vận hành hệ thống điện...

Vì vậy, việc sửa đổi Luật Điện lực năm 2004 là cần thiết để đảm bảo các yêu cầu:

(1) Thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước;

(2) Tạo điều kiện cho phát triển nguồn và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của quốc gia, phát triển kinh tế – xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia;

(3) Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động điện lực, hướng tới xây dựng thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh, trọng tâm là điều chỉnh cơ chế giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước;

(4) Xử lý, tháo gỡ những hạn chế, vướng mắc trong quy định của pháp luật về điện lực, đồng thời không hợp thức hóa các sai phạm trong lĩnh vực điện lực;

(5) Thực hiện cải cách theo hướng hiệu lực, hiệu quả, phân cấp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, giảm bớt các đầu mối trong quản lý nhà nước về điện lực.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC

Luật Điện lực năm 2024 gồm có **09** chương, **81** điều, cụ thể như sau:

1. Chương I: Những quy định chung. Gồm **09** điều (*từ Điều 1 đến Điều 9*) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Áp dụng pháp luật; Giải thích từ ngữ; Chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực; Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện lực; Ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực; Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện.

2. Chương II: Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện và đầu tư xây dựng dự án điện lực. Gồm **10** điều (*từ Điều 10 đến Điều 19*), quy định về: Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát

triển mạng lưới cấp điện; Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện; Quy định chung về đầu tư xây dựng dự án điện lực; Chủ trương đầu tư dự án điện lực; Dự án, công trình điện lực khẩn cấp; Quy định đặc thù đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực khẩn cấp; Hợp đồng dự án nhà máy điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao; Phát triển điện ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực.

3. Chương III: Phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.
Gồm 02 mục và 10 điều cụ thể:

- **Mục 1. Quy định về điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.**
Gồm 06 điều (*Từ Điều 20 đến Điều 27*), quy định về: Quy định chung trong phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; Điều tra cơ bản về tài nguyên điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; Phát triển điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; Phát triển điện năng lượng mới; Cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; Tháo dỡ công trình thuộc dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.

- **Mục 2 . Quy định về phát triển gió ngoài khơi.** Gồm 04 điều (*Từ Điều 26 đến Điều 29*), quy định về: Quy định chung; Khảo sát dự án điện gió ngoài khơi; Chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi; Lựa chọn nhà đầu tư dự án điện gió ngoài khơi.

4. Chương IV: Giấy phép hoạt động điện lực. Gồm 08 điều (*từ Điều 30 đến Điều 37*), quy định về: Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực; Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực; Các trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực; Miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực; Nội dung của giấy phép hoạt động điện lực; Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

5. Chương V: Thị trường điện cạnh tranh và hoạt động mua bán điện.
Gồm 03 mục và 15 Điều cụ thể:

- **Mục 1. Thị trường điện cạnh tranh.** Gồm 06 điều (*từ Điều 38 đến Điều 43*), quy định về: Nguyên tắc hoạt động; Phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh; Đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ; Mua

bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ; Hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ; Tạm ngừng, khôi phục hoạt động của thị trường điện giao ngay trong thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

- **Mục 2. Hợp đồng mua bán điện và hợp đồng cung cấp dịch vụ điện.** Gồm 06 điều (*từ Điều 44 đến Điều 49*), quy định về: Hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ điện; Hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện; Mua bán điện với nước ngoài; Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện; Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện; Ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện.

- **Mục 3. Giá điện và giá dịch vụ về điện.** Gồm 03 điều (*từ Điều 50 đến Điều 52*), quy định về: Giá điện; Giá dịch vụ về điện; Căn cứ lập, điều chỉnh giá điện và giá các dịch vụ về điện.

6. Chương VI: Điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia. Gồm 05 điều (*từ Điều 53 đến Điều 57*), quy định về: Nguyên tắc, yêu cầu trong điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia; Quản lý nhu cầu điện; Tiết kiệm trong phát điện, truyền tải điện, phân phối điện và sử dụng điện; Đo đếm điện; Bảo đảm chất lượng điện năng.

7. Chương VII: Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. Gồm 09 điều (*từ Điều 58 đến Điều 66*) quy định về: Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện; Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện.

8. Chương VIII: Bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Gồm 02 mục và 12 Điều quy định về:

- **Mục 1. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện.** Gồm 08 điều (*từ Điều 67 đến Điều 74*), quy định về: Bảo vệ an toàn công trình điện lực; Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; Quy định chung về an toàn điện; Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện; An toàn trong phát điện; An toàn trong truyền tải điện, phân phối điện; An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất; (8) An toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ.

- **Mục 2. An toàn công trình thủy điện.** Gồm 04 điều (từ Điều 75 đến Điều 78), quy định về: Nguyên tắc quản lý an toàn đối với công trình thủy điện; An toàn trong giai đoạn xây dựng, trước khi đưa vào vận hành; An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành; Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện.

9. Chương IX: Điều khoản thi hành. Gồm 03 điều (từ Điều 79 đến Điều 81) quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của các luật liên quan; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC NĂM 2024

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Điện lực năm 2024 quy định về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện cạnh tranh, hoạt động mua bán điện; điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điện lực và sử dụng điện; quản lý nhà nước về điện lực.

1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Đối tượng áp dụng của Luật Điện lực năm 2024 gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến hoạt động điện lực tại Việt Nam.

1.3. Áp dụng pháp luật (Điều 3)

Luật Điện lực năm 2024 quy định cụ thể về việc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Điện lực và luật khác, cụ thể:

- Trong trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Điện lực và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Điện lực có hiệu lực thi hành về cùng một vấn đề cụ thể liên quan thì thực hiện theo quy định của Luật Điện lực, trong đó bao gồm: Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án điện lực quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 13; Quy định đặc thù đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực khẩn cấp quy định tại Điều 15; Lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực quy định tại Điều 18 và Điều 19; Quy định về phát triển điện gió ngoài khơi quy định tại Mục 2 Chương III của Luật Điện lực..

- Trong trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Điện lực có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật Điện lực

thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Điện lực, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

So với Luật Điện lực năm 2004, Luật Điện lực năm 2024 đã bổ sung thêm nội dung áp dụng Luật Điện lực đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án điện lực, Quy định đặc thù đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực khẩn cấp, Lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực, Quy định về phát triển điện gió ngoài khơi.

1.4. Về giải thích từ ngữ (Điều 4)

Luật Điện lực năm 2024 đã bổ sung nhiều định nghĩa mới như: an toàn công trình thủy điện, an toàn điện, Biểu giá chi phí tránh được, Bù chéo giá điện, Cấp điện áp, Chi phí tránh được, Dịch vụ phụ trợ, Dự án điện lực, Điện năng lượng tái tạo, Điện năng lượng mới, Điện tự sản xuất, tự tiêu thụ, Các định nghĩa về giá và hợp đồng,...

1.5. Về Chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực (Điều 5)

Điều 5 Luật Điện lực năm 2024 đã thể chế cụ thể các chủ trương tại Nghị quyết số 55-NQ/TW với 13 nhóm chính sách, gồm: cụ thể:

(1) Nhà nước ban hành các chính sách phát triển, đầu tư xây dựng ngành điện bảo đảm yêu cầu là ngành công nghiệp hạ tầng quan trọng nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân, phát triển bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ổn định, an toàn và kinh tế, dịch vụ văn minh, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia.

(2) Nhà nước độc quyền trong các hoạt động sau đây vì mục đích bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia: Điều độ hệ thống điện quốc gia; Đầu tư xây dựng và vận hành dự án nhà máy điện hạt nhân, nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, lưới điện truyền tải quan trọng từ cấp điện áp 220 kV trở lên theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Vận hành lưới điện truyền tải, trừ lưới điện truyền tải do các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư xây dựng.

(3) Chính sách phát triển điện vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm: Ưu tiên ngân sách nhà nước, kết hợp huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện bảo đảm cung cấp điện an toàn, thường xuyên, tin cậy cho các hộ gia đình và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương; Ưu đãi

về đầu tư, tài chính và ưu đãi, hỗ trợ khác đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, kinh doanh cấp điện cho các hộ gia đình bảo đảm bền vững và hiệu quả.

(4) Thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện theo quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước được vận hành lưới điện do mình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

(5) Dự án điện lực sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư thuộc danh mục ưu tiên đầu tư của Nhà nước được vay lại vốn và cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng theo quy định của Luật Quản lý nợ công.

(6) Có cơ chế phát triển các dự án điện lực phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh trên cơ sở bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và an ninh tài chính quốc gia, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ, bao gồm: sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng, nguyên tắc tính giá điện, bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, thời hạn của chính sách đối với từng trường hợp.

(7) Khuyến khích nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch chuyển đổi sang các nguồn nhiên liệu phát thải thấp, lắp đặt các thiết bị, hệ thống thu giữ các-bon để giảm phát thải ra môi trường, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động; phát triển nhiệt điện than ở mức hợp lý theo hướng ưu tiên những tổ máy công suất lớn, hiệu suất cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

(8) Về chính sách phát triển nhiệt điện khí: Ưu tiên phát triển nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí thiên nhiên trong nước, phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng, đưa điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống điện; Có cơ chế huy động các dự án nhiệt điện sử dụng nguồn khí thiên nhiên trong nước tối đa theo khả năng cấp khí và các ràng buộc về nhiên liệu để bảo đảm hài hòa lợi ích tổng thể của quốc gia; Có cơ chế để phát triển các nhà máy nhiệt điện sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng quy định tại khoản 6 Điều này; ưu tiên phát triển các dự án điện lực gắn với việc sử dụng chung hạ tầng kho cảng nhập khí thiên nhiên hóa lỏng,

đường ống khí để giảm giá thành sản xuất điện.

(9) Về chính sách phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới: Phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống điện với giá thành điện năng hợp lý, đồng bộ với phát triển lưới điện và quy hoạch phát triển điện lực, phù hợp với trình độ công nghệ, nguồn nhân lực, đáp ứng mục tiêu giảm phát thải của Việt Nam trong từng thời kỳ; Có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ cho từng loại hình nguồn điện, trong đó có các dự án thủy điện nhỏ được xác định theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi; khuyến khích đầu tư các dự án tham gia thị trường điện cạnh tranh.

(10) Về chính sách phát triển điện hạt nhân: Quy hoạch phát triển điện hạt nhân phải gắn liền, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực để bảo đảm mục tiêu an ninh cung cấp điện; Đầu tư xây dựng, vận hành, chấm dứt hoạt động và bảo đảm an toàn nhà máy điện hạt nhân phải tuân thủ quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(11) Xây dựng và phát triển thị trường điện cạnh tranh, có sự điều tiết của Nhà nước để nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực. Tái cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện lực phù hợp với các cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

(12) Về chính sách giá điện và giá dịch vụ về điện: Bảo đảm phản ánh chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh điện hợp lý, hợp lệ của đơn vị điện lực; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong hoạt động điện lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết giá của Nhà nước phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh; Giá điện bảo đảm khuyến khích sử dụng điện có hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý và giảm dần, tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh khi chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không lựa chọn tham gia mua bán điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh; Giảm dần, tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, vùng, miền phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh; Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua điện, giá bán điện không vượt quá khung giá điện, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định; Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp

của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. Giá điện bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực; Xây dựng cơ chế giá điện phù hợp đối với các nhóm khách hàng đặc thù theo các chủ trương của Nhà nước phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

(13) Về hỗ trợ tiền điện của Nhà nước: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí, cơ chế do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; Chính phủ ban hành phương án hỗ trợ giảm tiền điện trong trường hợp có sự cố, thảm họa theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự để ổn định phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện và đầu tư xây dựng dự án điện lực (*Chương II*)

2.1. Về Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện (Điều 10)

Điều 10 Luật Điện lực năm 2024 quy định: Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành quốc gia. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện là nội dung tích hợp trong quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định của Luật Điện lực.

Việc lập, điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân;
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, bảo đảm phát triển bền vững;
- Tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình phù hợp đi đôi với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;
- Thực hiện chuyển dịch năng lượng theo các mục tiêu, cam kết quốc gia trên cơ sở tiến bộ khoa học, công nghệ, chính sách phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng mới;

- Bảo đảm hệ thống lưới điện đồng bộ với các nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải của các vùng, địa phương.

2.2. Về Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện (Điều 11)

Về Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện là nội dung mới được bổ sung trong Luật Điện lực năm 2024. Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và 03 yêu cầu: (1) Bám sát mục tiêu, định hướng của quy hoạch, cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao trong quy hoạch; (2) Bảo đảm phát triển nguồn điện cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và linh hoạt trong phát triển nguồn điện, lưới điện phù hợp với bối cảnh, nguồn lực quốc gia; (3) Xác định thời gian đưa các dự án vào vận hành theo hai giai đoạn trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và dự kiến 05 năm tiếp theo cho giai đoạn tầm nhìn.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật về quy hoạch, trong đó có nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án điện lực và xác định các dự án lưới điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng do doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư xây dựng.

2.3. Về Phát triển điện ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 17)

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng vốn đầu tư công, vốn chủ sở hữu, vốn vay, nguồn vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật bảo đảm cấp điện cho vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nhà nước hỗ trợ đầu tư sau công tơ điện cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt cho hộ gia đình theo các đối tượng ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai, cháy, nổ.

- Đầu tư xây dựng các nguồn điện năng lượng tái tạo, lưới điện trung áp, hạ áp để cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt các hộ gia đình, phục vụ sản xuất

hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp điện dư được phát vào lưới điện trung áp, hạ áp quốc gia, giá phát điện dư thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (*Chương III*)

3.1. Quy định về điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (từ Điều 20 đến Điều 25)

Đây là nội dung hoàn toàn mới tại Luật Điện lực năm 2024, trong đó quy định các nội dung về Quy định chung trong phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; điều tra cơ bản về tài nguyên điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; phát triển điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; tháo dỡ công trình thuộc dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động để phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan đến phát triển, đầu tư xây dựng dự án điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, di sản văn hóa và bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; sử dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Nguyên tắc phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới gồm:

(1) Bảo đảm an ninh cung cấp điện và an toàn hệ thống điện;

(2) Phát triển tại các vùng, miền, địa phương có tiềm năng, lợi thế về năng lượng tái tạo, năng lượng mới và đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng của hệ thống điện để tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng do không giải tỏa được công suất nhằm khai thác hiệu quả các nguồn điện, bảo đảm độ tin cậy cung cấp điện; giảm tổn thất kỹ thuật, giảm áp lực truyền tải điện đi xa; bảo đảm yêu cầu về môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực phát triển;

(3) Bảo đảm đồng bộ kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng mới, tiến tới tự chủ về công nghệ tại một số khâu phù hợp;

(4) Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới nhằm khai thác tài nguyên thiên nhiên bền vững, hợp lý và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và phục vụ xuất khẩu điện;

(5) Ưu tiên phát triển các dự án nguồn điện lớn để hình thành cụm nhà máy hoặc trung tâm năng lượng tái tạo nhằm phát huy lợi thế tự nhiên, hạ tầng lưới điện, phù hợp với khả năng giải tỏa công suất và yêu cầu vận hành hệ thống điện quốc gia của từng vùng, từng địa phương, phù hợp với điều kiện, trình độ công nghệ trong từng thời kỳ;

(6) Khuyến khích phát triển phù hợp điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời trên mặt nước, lòng hồ thủy lợi; ưu tiên phát triển tại mặt nước lòng hồ thủy điện hiện có, không phải đầu tư mới lưới điện truyền tải;

(7) Ưu tiên phát triển nguồn điện gió ngoài khơi gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo quốc gia.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp với đầu tư hệ thống lưu trữ điện hoặc sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh để phục vụ hoạt động phát điện, sử dụng điện. Đối với nguồn điện mặt trời và điện gió có đầu nối vào hệ thống điện quốc gia, tổng công suất phát của nhà máy điện mặt trời, điện gió và bao gồm công suất hệ thống lưu trữ điện không được vượt quá công suất của nhà máy điện mặt trời, điện gió đã được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; công suất lắp đặt do chủ đầu tư quyết định trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở bảo đảm tỉ lệ công suất hệ thống lưu trữ điện theo quy định và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

- Phát triển điện từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới tạo nền tảng để chuyển dịch cơ cấu điện năng theo hướng các-bon thấp, đạt mục tiêu giảm phát thải và bảo đảm phát triển hệ thống điện bền vững.

- Dự án điện gió trên biển gồm có toàn bộ tua bin điện gió được xây dựng trên vùng biển Việt Nam và nằm ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền về phía biển.

- Việc quy hoạch, đầu tư phát triển dự án điện gió trên biển theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Dự án sản xuất điện để cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia;

(2) Dự án điện lực tự sản xuất, tự tiêu thụ hoặc dự án điện lực cho sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh và nhu cầu khác phục vụ nhu cầu trong nước;

(3) Dự án sản xuất điện để xuất khẩu và sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh xuất khẩu.

- Phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên biển phù hợp với thứ tự ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển trong từng thời kỳ.

- Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới được đấu nối với hệ thống điện quốc gia, việc đấu nối thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực; được bán sản lượng điện dư theo quy định của pháp luật; được sử dụng đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng kết hợp đa mục đích theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.2. Quy định về phát triển điện gió ngoài khơi (từ Điều 26 đến Điều 29)

Đây là nội dung hoàn toàn mới tại Luật Điện lực năm 2024, trong đó quy định chung về phát triển điện gió ngoài khơi; khảo sát dự án; chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi, lựa chọn nhà đầu tư dự án điện gió ngoài khơi.

- Việc thực hiện dự án điện gió ngoài khơi phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an toàn thông tin sau:

(1) Tổ chức, cá nhân thực hiện, tham gia thực hiện dự án điện gió ngoài khơi có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

(2) Việc sản xuất, sử dụng thiết bị và việc tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu ra khỏi biên giới thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc thực hiện dự án điện gió ngoài khơi phải tuân thủ quy định của Luật Điện lực, quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn hàng hải và an toàn thiết bị, công trình, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Dự án điện gió ngoài khơi được hưởng cơ chế, chính sách sau đây với điều kiện và thời hạn do Chính phủ quy định: (1) Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn đối với dự án bán điện lên hệ thống điện quốc gia; (2) Miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển; (3) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Ngoài ra, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được miễn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng và người

có liên quan cho dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Giấy phép hoạt động điện lực (Chương IV)

Chương IV Luật Điện Lực năm 2024 đã bổ sung một số nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực phù hợp với tình hình thực tiễn trong lĩnh vực điện lực và quy định rõ các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; bỏ thủ tục hành chính cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với lĩnh vực tư vấn; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung liên quan đến cấp giấy phép hoạt động điện lực như điều kiện cấp đối với từng loại hình; trình tự, thủ tục cấp và thu hồi...

- Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực:

(1) Các lĩnh vực hoạt động điện lực phải được cấp giấy phép hoạt động điện lực bao gồm: phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.

(2) Tổ chức đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực, trừ trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

(3) Không cấp giấy phép hoạt động điện lực cho giai đoạn đầu tư. Hoạt động đầu tư trong lĩnh vực điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

(4) Giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho tổ chức để thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động điện lực.

(5) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện được cấp cho tổ chức sở hữu nhà máy điện theo hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình.

(6) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành lưới điện truyền tải cụ thể.

(7) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành lưới điện phân phối cụ thể.

(8) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện được cấp theo phạm vi bán điện cụ thể.

(9) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện được cấp theo phạm vi bán điện cụ thể, trừ phạm vi do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho đơn vị khác. Khi chuyển sang giai đoạn vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện cấp cho tổ chức tham gia thị trường bán lẻ điện theo phạm vi của thị trường bán lẻ điện.

(10). Trước giai đoạn vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phát điện hoặc phân phối điện.

(11) Giấy phép hoạt động điện lực cấp cho một hoặc nhiều tổ chức tham gia hoạt động cùng lĩnh vực cụ thể và phải đáp ứng quy định của Luật Điện lực, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng đủ 02 điều kiện: (1) Được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật; (2) Có đội ngũ quản lý kỹ thuật, quản lý kinh doanh và đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực bao gồm:

(1) Tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở phát điện để tự sử dụng, không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác và có công suất lắp đặt dưới mức công suất theo quy định của Chính phủ;

(2) Tổ chức hoạt động phát điện có công suất lắp đặt dưới mức công suất theo quy định của Chính phủ;

(3) Tổ chức kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn mức công suất theo quy định của Chính phủ từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo;

(4) Tổ chức hoạt động phát điện lên lưới điện quốc gia được miễn trừ giấy phép bán buôn điện;

(5) Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện;

(6) Hạng mục công trình, công trình xây dựng nguồn điện, lưới điện khẩn cấp quy định của Luật Điện lực được miễn giấy phép hoạt động điện lực trong thời gian 06 tháng kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng;

(7) Hoạt động điện lực khác không thuộc phạm vi các lĩnh vực hoạt động điện lực phải được cấp giấy phép hoạt động điện lực bao gồm: phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ đi.

5. Thị trường điện cạnh tranh và hoạt động mua bán điện (Chương V)

5.1 Mục 1. Thị trường điện cạnh tranh. Bổ sung quy định về tạm ngừng, khôi phục hoạt động của thị trường điện giao ngay trong thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

5.2. Mục 2. Hợp đồng mua bán điện và hợp đồng cung cấp dịch vụ điện. Bổ sung quy định về Hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện; đồng thời bổ sung các yêu cầu về việc liên kết lưới điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia;

5.3. Mục 3. Giá điện và giá dịch vụ về điện, trong đó sửa đổi, bổ sung một số nguyên tắc về xây dựng giá điện cho các loại hình như nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ, dự án nguồn năng lượng tái tạo kết hợp với đầu tư hệ thống lưu trữ điện; đồng thời bổ sung phương pháp hướng dẫn và hình thức định giá đối với lưới điện truyền tải do các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư xây dựng nhằm khuyến khích thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia trong lĩnh vực truyền tải điện và bổ sung cơ chế giá điện hai thành phần (giá công suất, giá điện năng).

6. Điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia (Chương VI)

Nội dung mới là bổ sung các nguyên tắc, yêu cầu nhằm minh bạch, công bằng trong điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia, bổ sung quy định về quản lý nhu cầu điện để nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng điện; đặc biệt bổ sung việc giao Chính phủ quy định các trường hợp xảy ra tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện và giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm an ninh cung cấp điện trong tình huống này

7. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện (Chương VII)

Bổ sung quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực và quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện, đồng thời bổ quyền và nghĩa vụ của đơn vị tư vấn chuyên ngành điện lực

8. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (Chương VIII)

Mục 1. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện và Mục 2. An toàn công trình thủy sửa đổi, bổ sung một số nội dung về thẩm quyền của Bộ trưởng Công Thương trong quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; bổ sung nội dung về trách nhiệm của chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành trạm điện trong quy định chung về an toàn điện; sửa đổi, bổ sung một số nội dung an toàn trong phát điện; truyền tải điện; phân phối điện; sử dụng điện cho sản xuất;

sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ; an toàn ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo; bổ sung quy định chung về an toàn điện; kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện; bổ sung 01 mục riêng quy định về an toàn công trình thủy điện.

9. Điều khoản thi hành (Chương IX)

Theo đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về điện lực nói riêng, Luật Điện lực năm 2024 đã quy định sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của các luật liên quan như Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Luật Giá, đồng thời bổ sung 01 Điều quy định chuyển tiếp nhằm bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất, không có khoảng trống pháp lý khi Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực và Luật Điện lực năm 2004 hết hiệu lực.

Điều 81 Luật Điện lực năm 2024 quy định chuyển tiếp như sau:

(1) Dự án đầu tư kinh doanh điện lực đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Điện lực năm 2004 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chính phủ quy định việc áp dụng chuyển tiếp đối với việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực;

(2) Đối với các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết. Trường hợp có quy định khác về cấp độ thị trường điện cạnh tranh theo quy định của Luật Điện lực năm 2024 thì các bên phải sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với cấp độ đó;

(3) Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực;

(4) Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật Điện lực năm 2004 để cấp giấy phép. Trường hợp tổ chức đề nghị thực hiện cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép theo quy định của Luật Điện lực năm 2024 thì áp dụng Điện lực năm 2024 để cấp giấy phép hoạt động điện lực;

(5) Dự án đầu tư xây dựng lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đi

qua địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15;

(6) Đối với dự án lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đi qua địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật Điện lực năm 2024 có hiệu lực thi hành nay thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực năm 2024 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, UBKTTU, VP TU;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện củ a DN, HTX;
- Thành viên HĐPBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các cơ quan ngành dọc đóng tại tỉnh;
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: NV1 (NT. Nguyệt).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG